

Số: **731** /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày **30** tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty khoáng sản- TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính của Tổng công ty khoáng sản -TKV;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Cty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam phát hành,

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận 2022 của Công ty mẹ Vimico như sau:

1. Báo cáo tài chính

Trình ĐHĐCĐ thông qua BCTC công ty mẹ, BCTC hợp nhất toàn Tcty năm 2022 đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam phát hành với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	8.338.781	9.142.922
1	Tài sản ngắn hạn	3.470.486	4.526.018
2	Tài sản dài hạn	4.868.295	4.616.904
II	Tổng nguồn vốn	8.338.781	9.142.922
1	Nợ phải trả	5.869.569	6.373.505
2	Vốn chủ sở hữu	2.469.212	2.769.417
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>279.327</i>	<i>766.061</i>

1.1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	11.800.563	7.925.495
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	57.557	855.340
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	57.001	694.745

1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

1.2.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
I	Tổng tài sản	10.695.437	11.435.250
1	Tài sản ngắn hạn	4.356.204	5.269.233
2	Tài sản dài hạn	6.339.233	6.166.017
II	Tổng nguồn vốn	10.695.437	11.435.250
1	Nợ phải trả	7.592.984	8.115.248
2	Vốn chủ sở hữu	3.102.454	3.320.002
	Tr.đó: Vốn điều lệ	2.000.000	2.000.000
	LNST chưa phân phối	379.086	832.864

1.2.2. Kết quả SXKD

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	12.284.143	8.016.389
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	247.173	1.303.048
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	202.063	1.084.395

(BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2022, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 15% (Nghị quyết số 806/NQ-VIMICO ngày 06/4/2022).

Căn cứ kết quả SXKD năm 2022, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 Cty mẹ TCT như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	279.013.729.712
2	Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối	279.013.729.712
3	Quỹ ĐTPT	189.792.617.619
4	Phương án PPLN	
4.1	Chi trả cổ tức (15%), trong đó:	300.000.000.000
4.1.1	Từ nguồn LNST	200.000.000.000
4.1.2	Từ nguồn quỹ ĐTPT	100.000.000.000
4.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNNTT	-
4.3	Phân phối các quỹ	64.447.046.183



a	Trích quỹ ĐTPT (tối đa 30%)	0
b	Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương)	64.079.546.183
c	Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương VCQL)	367.500.000
5	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2022 (5=1-4.1.1-4.3)	14.566.683.529
6	Dư Quỹ ĐTPT (6=3-4.1.2)	89.792.617.619

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải



Số: 732 /TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ năm được ban hành kèm theo Quyết định số 370/QĐ-VIMICO ngày 18/4/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 806/NQ-VIMICO ngày 06/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2022;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về nội dung phân phối tiền lương, thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023 của Người quản lý Tổng công ty như sau:

I. Thực hiện 2022

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	Tổng giám đốc	01	540.000.000	540.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	2.430.000.000	2.430.000.000
3	Kế toán trưởng	01	450.000.000	450.000.000
	Tổng cộng	07	3.420.000.000	3.420.000.000

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	TV HĐQT	01	486.000.000	486.000.000
2	TB kiểm soát	01	504.000.000	504.000.000
	Tổng cộng	02	990.000.000	990.000.000

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

3. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Mức lương của Chủ tịch HĐQT tính bằng mức tiền lương thực hiện của TGD)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	CT HĐQT	01	74.400.000	108.000.000
2	TV HĐQT	03	194.400.000	291.600.000
3	TV kiểm soát	02	120.000.000	194.400.000
	Cộng	06	388.800.000	594.000.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

II. Kế hoạch 2023

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	51.000.000	612.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	45.900.000	2.754.000.000
3	Kế toán trưởng	01	42.500.000	510.000.000
	Tổng cộng	07		3.876.000.000

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	45.900.000	550.800.000
2	TB Kiểm soát	01	47.600.000	571.200.000
	Cộng	02		1.122.000.000

3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định **tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện** của TV chuyên trách.

4. Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả tối đa bằng mức tiền lương cơ bản của TV HĐQT chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	27.000.000	324.000.000
	Cộng	01		324.000.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tcty năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VP, HĐQT.



Nguyễn Văn Hải



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số: **733** /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **30** tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ năm được ban hành kèm theo Quyết định số 370/QĐ-VIMICO ngày 18/4/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HDQT.



Nguyễn Văn Hải



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NĂM 2023
Số: /2023/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-TKV ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ thỏa thuận chung ngày 10 tháng 01 năm 2023 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023,

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại....., Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)4.5180141-(84)4.8510780, Fax (84) 4.510724

Tài khoản số: 102010000011613 - Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO) là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm Khoáng sản tự nguyện tham gia hợp đồng phối hợp kinh doanh; trong Hợp Đồng này Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP được gọi là **Bên B**.

Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84)4.62876666, Fax : (84)4.62883333

Mã số thuế doanh nghiệp: 0100103087

Tài khoản: 012010000029980 tại NH

Đại diện là Ông: Trịnh Văn Tuệ

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến sản phẩm khoáng sản năm 2022 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng và giá cả được quy định trong hợp đồng này (có Phụ lục kèm theo) và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Bên A ủy quyền cho Bên B ký các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Tinh quặng sắt, Vàng, Bạc, Axít H₂SO₄, Thạch cao với các khách hàng. Bên B xây dựng phương án tiêu thụ báo cáo TKV xem xét thẩm định và phê duyệt để áp dụng cho cả năm 2023.

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các công trình ĐTXD theo kế hoạch, đảm bảo năng lực khai thác, chế biến khoáng sản cho Bên A và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Giá cả và giá trị thanh toán

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm Tinh quặng đồng, Đồng tấm: giao nhận (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán trả cho Bên B theo giá thị trường (theo nguyên tắc Bên A tiêu thụ theo đơn giá nào thì sẽ tính toán giá trị thanh toán cho bên B theo đơn giá đó, trừ đi các chi phí vốn/tài chính (nếu có).

2.2. Bên B có trách nhiệm thực hiện chi phí thăm dò, công tác trắc địa, chi phí môi trường, chi phí cấp cứu mỏ, đào tạo y tế đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc trên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại kho của Bên B; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A ủy quyền) chấp nhận.

3.2. 6 tháng và cả năm, Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nhận và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục Hợp đồng này.

3.3. Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho Bên B căn cứ theo Quy định về tiêu thụ Đồng tấm do Tcty khoáng sản TKV-CTCP sản xuất (ban hành kèm theo Quyết định số 138/QĐ-TKV ngày 25/01/2022 và các văn bản điều chỉnh/bổ sung (nếu có).

3.4. Kết thúc năm, căn cứ khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm khác.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong các lĩnh vực đầu tư XD CB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.3. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.4. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất - tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng Giám đốc TKV và/hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.2.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.2.3. Tổng Giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được Bên A giao nhằm không để thất thoát khoáng sản hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi

mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất trong khai thác và tăng giá trị sản phẩm thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế của HĐTV TKV ban hành và chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và trước Pháp luật về số liệu do đơn vị tổng hợp, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ, chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan Nhà nước Trung ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà Bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng,....

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát sản phẩm trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2023 và thực hiện trong năm 2023. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC TKV**

Trịnh Văn Tuệ

Đặng Thanh Hải



Số: 734/TTTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

I. Các căn cứ pháp lý:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ năm được ban hành kèm theo Quyết định số 370/QĐ-VIMICO ngày 18/4/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV;
- Quyết định số 674/QĐ-VIMICO ngày 26/6/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Tổng công ty Khoáng sản - TKV;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;
- Quyết định số 354/QĐ-HĐQT ngày 10/6/2009 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai;
- Quyết định số 779/QĐ-HĐQT ngày 17/11/2009 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai;
- Quyết định số 864/QĐ-HĐTV ngày 19/6/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai;
- Quyết định số 295/QĐ-VIMICO ngày 29/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc phê duyệt dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh);
- Báo cáo kiểm toán số 161/2014/XD-KTTV ngày 18/12/2014 về báo cáo quyết toán chi phí xây dựng (đợt 1), số 01/2017/XD-KTTV ngày 09/02/2017 về báo cáo quyết toán chi phí đầu tư xây dựng (đợt 2), số 2.0047/19/XD-AC ngày 03/9/2019 về báo cáo quyết toán chi phí xây dựng (đợt 3), số 1.0105/23/QTXD-AC ngày 03/3/2023 về báo cáo quyết toán chi phí hoàn thành các gói thầu (đợt 4) thuộc dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh);
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 1.0132/23/QTXD-AC ngày 20/3/2023 về Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh) của Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội.

II. Nội dung quyết toán:**1. Nguồn vốn đầu tư :**

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Số liệu theo Báo cáo QT vốn		Số liệu kiểm toán	
		Kế hoạch	Đã thanh toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số	2.564.738.791.000	2.564.738.791.000	2.047.766.859.609	2.047.766.859.609	-
- Vốn vay các tổ chức tín dụng trong nước	1.500.000.000.000	1.350.000.000.000	1.187.935.695.673	1.187.935.695.673	-
- Vốn đầu tư phát triển của đơn vị	769.421.637.000	769.421.637.000	788.063.921.172	788.063.921.172	-
- Vốn huy động khác	295.317.154.000	445.317.154.000	71.767.242.764	71.767.242.764	-

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán		
		Giá trị quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch
1. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	181.173.248.000	209.264.044.591	209.264.044.591	-
2. Chi phí xây dựng	342.320.078.000	265.741.467.038	265.741.467.038	-
3. Chi phí thiết bị	1.433.106.964.000	1.366.650.909.840	1.366.650.909.840	-
4. Chi phí QLDA	17.559.631.000	1.117.683.727	1.117.683.727	-
5. Chi phí tư vấn	70.662.225.000	60.960.354.221	60.960.354.221	-
6. Chi phí khác	248.498.486.000	140.138.378.076	140.138.378.076	-
7. Chi phí dự phòng	271.418.159.000	-	-	-
Tổng cộng:	2.564.738.791.000	2.043.872.837.493	2.043.872.837.493	-

* Ghi chú: Tổng nguồn vốn chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án là: 234.125,399 triệu đồng (bao gồm cả nguồn chi phí dự phòng của khoản mục này trong TMDT dự án là: 52.952,151 triệu đồng).

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Chi phí đầu tư không tạo nên tài sản	Số liệu báo cáo QT vốn	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch
Giá trị thuế GTGT được khấu trừ theo quy định	153.590.969.299	153.590.969.299	-

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao Chi nhánh mở tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico quản lý		Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi		
1- Tài sản cố định (dài hạn)	-	-	1.887.859.760.626	1.887.859.760.626	1.887.859.760.626	-
2- Tài sản bàn giao ngắn hạn	-	-	275.037.568	275.037.568	275.037.568	-
Tổng cộng:			1.888.134.798.194	1.888.134.798.194	1.888.134.798.194	-

5. Công việc xử lý theo ý kiến của đơn vị kiểm toán:**6. Tình hình thực hiện dự án:**

- Thời gian thực hiện đầu tư dự án theo Quyết định số 295/QĐ-VIMICO ngày 29/4/2016: Từ 2009-2017 được phê duyệt gia hạn nhiều lần và lần cuối theo Quyết định số 1416/QĐ-VIMICO ngày 17/12/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV: Đến Quý IV/2022.

- Nhà máy tuyển khoáng đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sản xuất từ ngày 01/02/2019; Gói thầu số 43 "Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2" nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng ngày 16/02/2022.

- Có 05 gói thầu (số 41, số 49, số 58, số 61 và số 64) dừng và không thực hiện, 01 gói thầu (số 43) dừng thực hiện một phần khối lượng công việc và 01 gói thầu (số 56) điều chỉnh phạm vi công việc; với giá trị dừng, không thực hiện đầu tư, dừng thực hiện một phần khối lượng công việc và điều chỉnh phạm vi công việc theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 31/5/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh) là: 103.021,870 triệu đồng; gồm:

+ Gói thầu số 41 “Nắn suối Nậm Chôn + Xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chôn”: 32.961,709 triệu đồng.

+ Gói thầu số 43 “Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2”; giá trị dừng thực hiện một phần khối lượng công việc: 12.785,957 triệu đồng.

+ Gói thầu số 49 “Mua sắm máy bơm ly tâm thoát nước: Q=650 m³/h (02 cái); Máy bơm môi; Q=15m³/h (02 cái)”: 4.093,018 triệu đồng.

+ Gói thầu số 56 “Mua sắm máy xúc bánh lốp: E=3m³ (01 cái); xe lu rung SX120A làm đường (01 cái); máy san xúc tự hành: 150-160Hp (01 cái)”; giá trị không đầu tư “Máy san xúc tự hành:150-160Hp (01 cái)”: 6.549,950 triệu đồng.

+ Gói thầu số 58 “Mua sắm ô tô con phục vụ sản xuất: 07 chỗ (02 cái)”: 2.787,632 triệu đồng.

+ Gói thầu số 61 “Xây dựng các khu tái định cư”: 20.616,569 triệu đồng.

+ Gói thầu 64 “Mua sắm ô tô tự đổ: 36-40 tấn (02 cái)”: 23.227,035 triệu đồng.

* Lý do:

+ Do có nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB của địa phương, nên không có mặt bằng bàn giao cho đơn vị thi công 02 gói thầu xây dựng, dừng thực hiện một phần khối lượng công việc 01 gói thầu xây dựng, trong khi thời hạn thực hiện dự án đầu tư đã hết (hoàn thành toàn bộ dự án: Quý IV/2022); để thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành dự án là cần thiết và tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước;

+ Việc không thực hiện đầu tư các gói thầu thiết bị nêu trên là hợp lý; hiện tại việc đầu tư các thiết bị nêu trên không còn phù hợp và không ảnh hưởng tới mục tiêu và quy mô đầu tư của dự án.

- Tình hình giải ngân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên: Hết năm 2019 đã dừng việc giải ngân vốn và tổng giá trị vốn vay đã giải ngân là: 1.187,936 tỷ đồng đã được Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên xác nhận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV thực hiện các bước tiếp theo, bao gồm: thẩm tra; phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành sau khi có kết luận của KTNN làm việc tại Tổng công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN - TKV

VIMICO

Nguyễn Văn Hải

Số: **735** /TTr -VIMICOHà Nội, ngày **30** tháng **3** năm 2023**TỜ TRÌNH****V/v Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án
Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Tổng công ty Khoáng sản – TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 được ban hành kèm theo Quyết định số 370/QĐ -VIMICO ngày 18/4/2022 của HĐQT Tổng công ty;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai của các phòng/ban chuyên môn;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành có sử dụng nguồn vốn nhà nước,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV xin được báo cáo và kính trình ĐHCĐ một số nội dung liên quan dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai như sau:

1. Thông tin về dự án

Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai do Tổng công ty Khoáng sản - TKV làm Chủ đầu tư đã được UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Tập đoàn TKV phê duyệt dự án với TMĐT 3.927,534 tỷ đồng.

Nhà máy luyện đồng công suất 20.000 T/năm là công trình chính của dự án, được xây dựng tại xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Dự án được thực hiện bằng các nguồn Vốn vay của VDB và VCB: 2.886,007 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu 721,502 tỷ đồng; Vốn huy động khác: 320,025 tỷ đồng;

Trong quá trình thực hiện đã được thẩm duyệt của cấp thẩm quyền có liên quan (Cục PCCC&CHCN thẩm duyệt thiết kế PCCC; Bộ TN&MT thẩm duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Bộ Công thương thẩm định TKKT).

Toàn bộ các công trình Dự án đã đưa vào vận hành sản xuất trong năm 2021. Năm 2022 thực hiện các phần việc nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình dự án hoàn thành.

Thời gian qua, nhà máy vận hành sản xuất ổn định, đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch năm 2022.

Toàn bộ dự án đã được các cơ quan quản lý chuyên ngành (Tổng cục môi trường - Bộ TN&MT và Cục PCCC&CHCN - Bộ Công an) kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và Hệ thống PCCC; Bộ Công thương đã kiểm tra, chấp thuận nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng; Ngày 30/9/2022, các bên đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình của dự án.



Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai. Một số tồn tại KTNN chỉ ra đã được Tổng công ty khắc phục.

Hiện nay các bên đang thực hiện công tác quyết toán các gói thầu và quyết toán toàn bộ Dự án. Theo số liệu quyết toán, Chi phí thực hiện dự án giảm (không vượt) so với TMĐT được duyệt.

2. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành

Tổng công ty đang tiến hành hoàn thiện hồ sơ báo cáo quyết toán vốn dự án, dự kiến sẽ hoàn thành và trình thẩm duyệt trong quý 3/2023.

Theo quy định đối với dự án này:

- Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

- Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

Như vậy đối với dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho HĐQT thẩm duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Để đảm bảo thực hiện việc phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành theo quy định, đề nghị Đại hội ĐCĐ:

- Cho phép Thuê tư vấn Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành;

- Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện việc Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành để làm cơ sở cho HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt hoặc thông qua để HĐQT phê duyệt.

Hội đồng quản trị báo cáo như nêu trên và kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua nội dung liên quan đến việc thẩm duyệt báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.



Nguyễn Văn Hải

Số: **736** /BC-VIMICO

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm 2023

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai của các phòng/ban chuyên môn,

HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV xin được báo cáo tình hình thực hiện về kết quả thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai như sau:

I. Thông tin về dự án

1. Tên dự án: Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.
2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Khoáng sản – TKV.
3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty hữu hạn thiết bị điện cơ kim loại màu Bắc Kinh, Trung Quốc (CNFC) – Công ty hữu hạn kỹ thuật công trình ENFI Trung Quốc và Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp Hóa chất (Việt Nam).
4. Mục tiêu chính: Xây dựng mới một dây chuyền sản xuất đồng kim loại công suất 20.000 tấn đồng kim loại/năm.
5. Quy mô, công suất: Xây dựng mới một dây chuyền luyện đồng công suất 20.000 tấn đồng kim loại/năm và thu hồi các sản phẩm đi kèm như: Axit sunfuaric, vàng, bạc.
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính: Xưởng hòa luyện, xưởng thủy luyện, xưởng vực tuyển xỉ; hệ thống thu khói bụi; Xưởng sản xuất axit sunfuaric; xưởng xử lý axit bản.
7. Địa điểm dự án: Xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thông qua Ban quản lý dự án và Nhà thầu tư vấn QLDA.
9. Các mốc thời gian về dự án:
 - Ngày phê duyệt dự án: Quyết định số 2738/QĐ - TKV ngày 24/12/2014; Quyết định phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư xây dựng số 1633/QĐ-TKV ngày 19/8/2015.
 - Giấy chứng nhận đầu tư số: 12 121 000 453 ngày 13/02/2015
 - Tháng 3/2015: Khởi công dự án.
 - Hoàn thành vào hoạt động: Tháng 7/2017.
10. Tổng mức đầu tư: 3.927,534 tỷ đồng
Trong đó:
 - Chi phí xây dựng : 859,773 tỷ đồng;
 - Chi phí thiết bị : 1.825,895 tỷ đồng;



- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : 34,269 tỷ đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 31,703 tỷ đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 234,984 tỷ đồng;
- Chi phí khác : 409,603 tỷ đồng;
- Chi phí dự phòng : 531,307 tỷ đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay: 2.886,007 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu 721,502 tỷ đồng; Vốn huy động khác: 320,025 tỷ đồng;

12. Các thẩm duyệt của cấp thẩm quyền có liên quan

- Cục PCCC&CHCN thẩm duyệt thiết kế PCCC;
- Bộ TN&MT thẩm duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Tập đoàn TKV thẩm duyệt DA, thẩm duyệt điều chỉnh TMĐT và thẩm duyệt KHLCNT.
- Bộ Công thương thẩm định TKKT;
- ĐHQĐ thông qua Hợp đồng thực hiện Gói thầu số 8 (Gói thầu chính của Dự án, đấu thầu rộng rãi quốc tế).
- UBND tỉnh Lào cai thẩm duyệt điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (điều chỉnh thời gian thực hiện DA), thẩm duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500.
- Công trình đã được các cơ quan quản lý chuyên ngành (Tổng cục môi trường – Bộ TN&MT và Cục PCCC&CHCN – Bộ Công an) kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và Hệ thống PCCC.
- Các công trình của Dự án đã được Bộ Công thương đã kiểm tra, chấp thuận nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

II. Tình hình và kết quả thực hiện dự án

Ngay sau khi được thẩm duyệt và cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Dự án đã được triển khai thực hiện theo kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Tập đoàn TKV phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện dự án có nhiều biến động ((i) Thời gian đầu Dự án phải tạm dừng để thu hồi khoáng sản, việc thu hồi apatit chậm; (ii) Tiếp đến năm 2019 Dự án phải tạm dừng một số hạng mục công trình để bổ sung điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500, điều chỉnh Tổng mặt bằng và điều chỉnh TKBVTC của nhiều hạng mục công trình; (iii) Đặc biệt là các sự kiện bất khả kháng - Đại dịch Covid-19, mưa lũ xuất hiện trong 9 tháng đầu năm 2020 và Dịch Covid-19 tái bùng phát đầu năm 2021 đã ảnh hưởng đến việc đưa thiết bị và Chuyên gia về công trường, làm chậm tiến độ lắp đặt) đã ảnh hưởng và làm kéo dài thời gian thực hiện dự án. Do các yếu tố ảnh hưởng làm kéo dài thời gian thực hiện, CĐT đã kịp thời báo cáo và được cấp thẩm quyền điều chỉnh thời gian thực hiện dự án phù hợp với tình hình thực tế.

Toàn bộ các công trình Dự án đã đưa vào vận hành sản xuất trong năm 2021. Năm 2022 thực hiện các phần việc nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình dự án hoàn thành.

Thời gian qua, nhà máy vận hành sản xuất ổn định, đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch năm 2022.

Toàn bộ dự án đã được các cơ quan quản lý chuyên ngành (Tổng cục môi trường - Bộ TN&MT và Cục PCCC&CHCN – Bộ Công an) kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và Hệ thống PCCC; Bộ Công thương đã kiểm tra, chấp thuận nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng; Ngày 30/9/2022, các bên đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình của dự án.

KTNN đã thực hiện kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai. Theo đánh giá của KTNN:

“Dự án được lập, thẩm định và phê duyệt phù hợp với quy hoạch ngành, địa phương; các giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất công trình; biện pháp thi công được lựa chọn hợp lý giảm chi phí đầu tư góp phần đảm bảo tính kinh tế của Dự án.

Các hạng mục gói thầu được lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng trình tự xây dựng cơ bản; tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật có liên quan của Nhà nước, Quy chế đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản, Quy chế đầu tư của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV. Các hạng mục, công trình được tổ chức thi công, nghiệm thu hoàn thành đúng với quy mô, các chỉ tiêu thiết kế; đáp ứng yêu cầu mục tiêu thời gian hoàn thành, nhiệm vụ dự án được phê duyệt, đảm bảo tính hiệu lực của Dự án.

Chủ đầu tư, Ban QLDA thường xuyên giám sát từ khâu khảo sát, thiết kế, lập dự toán đến việc nghiệm thu thanh toán công việc hoàn thành, chấp hành các quy định Luật phòng, chống tham nhũng cũng như các quy định khác trong lĩnh vực xây dựng. Qua công tác kiểm toán chưa phát hiện hiện tượng tham nhũng.

Trong quá trình thực hiện Dự án Chủ đầu tư, Ban QLDA cùng các đơn vị có liên quan thường xuyên đôn đốc, giám sát các đơn vị tham gia Dự án từ thiết kế, giám sát thi công đến nghiệm thu, thanh toán đảm bảo tiến độ, mục tiêu của Dự án đề ra.”

Một số tồn tại KTNN chỉ ra đã được Tổng công ty khắc phục.

Hiện nay đang thực hiện công tác quyết toán các gói thầu và quyết toán toàn bộ Dự án. Chi phí thực hiện dự án không vượt TMĐT được duyệt.

III. Về gói thầu số 8, một số khó khăn và kiến nghị

- Về cơ bản công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng xây dựng đã được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

- Riêng hợp đồng thực hiện gói thầu số 8 của Dự án còn một số tồn tại, gây khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán như sau:

+ Nhân sự nhà thầu nước ngoài (NFC) về nước nhứt tét dài ngày, ảnh hưởng đến việc hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu quyết toán Hợp đồng G8;

+ Người được uỷ quyền đại diện cho Nhà thầu NFC thực hiện gói thầu số 8 luân chuyển sang dự án khác; Nhà thầu NFC đang làm thủ tục uỷ quyền cho nhân sự mới làm đại diện tại Việt Nam.



+ Một số hồ sơ liên quan đến công tác nghiệm thu thanh toán còn tồn đọng, chưa đủ hồ sơ để giải ngân thanh toán theo quy định (đến nay giá trị giải ngân thanh toán đạt trên 80% Giá hợp đồng).

+ Nhân sự của nhà thầu rất hạn chế trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu quyết toán hợp đồng, ảnh hưởng và làm chậm việc quyết toán Hợp đồng G8 nói riêng và quyết toán dự án nói chung.

Trên đây là báo cáo về tình hình dự án đến thời điểm ngày 27/3/2023.

Hội đồng quản trị Tổng công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình dự án đến thời điểm ngày 27/3/2023 như nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.



Nguyễn Văn Hải

